

## THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Về dịch vụ hiệu chuẩn thiết bị y tế và thiết bị chuyên dùng khác cho Chương trình sức khỏe và dịch vụ giám sát nước năm 2025

Kính gửi: Quý Công ty

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố có nhu cầu hiệu chuẩn thiết bị y tế và thiết bị chuyên dụng khác cho chương trình sức khỏe và giám sát nước năm 2025. Đề nghị quý đơn vị tham gia chào giá theo phụ lục đính kèm.


Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố đề nghị bảng báo giá ghi đầy đủ các nội dung sau:

1. Yêu cầu chung: Đơn vị đáp ứng yêu cầu trên và có tư cách hợp lệ theo quy định tại Điều 5 Luật đấu thầu.
2. Đơn giá bằng tiền đồng Việt Nam + VAT.
3. Bảng giá có giá trị trong vòng 180 ngày.

Quý công ty vui lòng cung cấp nội dung thực hiện hoạt động trên và gửi thư báo giá về địa chỉ: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố, 366A Âu Dương Lân, phường Chánh Hưng, quận 8, TP.HCM (Khoa Dược-VTYT, ĐT: 0938255982, Line: 263).

Bảng báo giá có ký tên, đóng dấu của đơn vị, bỏ vào phong bì dán kín, đóng dấu niêm phong và gửi kèm Bản cam kết về tư cách hợp lệ của nhà thầu.

Hạn chót nhận báo giá: trước 16h00 ngày 18 tháng 8 năm 2025

Trân trọng. / 

Mẫu cam kết kèm theo Thư mời chào giá:

Mẫu 1 dành cho nhà thầu là tổ chức và Mẫu 2 dành cho nhà thầu là hộ kinh doanh.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, KD-VTYT  
(NDH, PLQH, 3b)

GIÁM ĐỐC 



Nguyễn Hồng Tâm

**PHỤ LỤC: Chi tiết gói mua sắm dịch vụ hiệu chuẩn thiết bị y tế và thiết bị chuyên dùng khác cho Chương trình sức khỏe và dịch vụ giám sát nước năm 2025**

| STT | Nội dung                   | Đơn vị tính | Số lượng | Thông số thực hiện hiệu chuẩn  |
|-----|----------------------------|-------------|----------|--|
| (1) | (2)                        | (3)         | (4)      | (5)  |
| 1   | Quang phổ UV-VIS           | Cái         | 1        | - Độ chính xác dải bước sóng 200 - 900 nm;<br>- Độ chính xác hấp thụ |
| 2   | Máy đo pH Toledo           | Cái         | 1        | pH 4; 7; 10  |
| 3   | Máy đo độ dẫn Eutech       | Cái         | 1        | Độ dẫn điện: < 10 $\mu$ S/cm   |
| 4   | Cân phân tích 4 số lẻ Kern | Cái         | 1        | 1g, 5g, 50g  |
| 5   | Cân Kỹ thuật 3 số lẻ Kern  | Cái         | 1        | 50g, 100g  |
| 6   | Máy đo độ đục Lovibond     | Cái         | 1        | <0.1; 20; 200; 800 NTU   |
| 7   | Tủ sấy Memmert             | Cái         | 1        | 104 độ C; 105 độ C; 180 độ C   |
| 8   | Tủ sấy Memmert             | Cái         | 1        | 104 độ C; 105 độ C; 180 độ C   |
| 9   | Lò nung Nabertherm         | Cái         | 1        | 525 độ C, 550 độ C   |
| 10  | Nhiệt kế thủy tinh         | Cái         | 1        | 3 độ C; 10 độ C  |
| 11  | Nhiệt kế thủy tinh         | Cái         | 1        | 3 độ C; 10 độ C  |
| 12  | Nhiệt kế thủy tinh         | Cái         | 1        | 3 độ C; 10 độ C  |
| 13  | Nhiệt ẩm kế                | Cái         | 1        | 25 độ C, 60%Rh   |
| 14  | Nhiệt ẩm kế                | Cái         | 1        | 25 độ C, 60%Rh   |
| 15  | Nhiệt ẩm kế                | Cái         | 1        | 25 độ C, 60%Rh   |
| 16  | Nhiệt ẩm kế                | Cái         | 1        | 25 độ C, 60%Rh   |
| 17  | Nhiệt kế thủy ngân         | Cái         | 1        | hiệu chuẩn 2 điểm nhiệt theo yêu cầu khoa sử dụng                    |
| 18  | Nhiệt kế thủy ngân         | Cái         | 1        | hiệu chuẩn 2 điểm nhiệt theo yêu cầu khoa sử dụng                    |
| 19  | Nhiệt kế thủy ngân         | Cái         | 1        | hiệu chuẩn 2 điểm nhiệt theo yêu cầu khoa sử dụng                    |
| 20  | Nhiệt kế thủy ngân         | Cái         | 1        | hiệu chuẩn 2 điểm nhiệt theo yêu cầu khoa sử dụng                    |
| 21  | Nhiệt kế thủy tinh         | Cái         | 1        | 3 độ C; 10 độ C  |
| 22  | Nhiệt kế thủy tinh         | Cái         | 1        | 3 độ C; 10 độ C  |
| 23  | Nhiệt kế thủy tinh         | Cái         | 1        | 3 độ C; 10 độ C  |
| 24  | Nhiệt kế đầu dò            | Cái         | 1        | hiệu chuẩn 2 điểm nhiệt theo yêu cầu khoa sử dụng                    |
| 25  | Nhiệt kế đầu dò            | Cái         | 1        | hiệu chuẩn 2 điểm nhiệt theo yêu cầu khoa sử dụng                    |
| 26  | Nhiệt kế đầu dò            | Cái         | 1        | hiệu chuẩn 2 điểm nhiệt theo yêu cầu khoa sử dụng                    |

|    |                                    |     |   |   |
|----|------------------------------------|-----|---|---|
| 28 | Nhiệt ẩm kế                        | Cái | 1 | 25 độ C, 60%Rh                                    |
| 29 | Nhiệt ẩm kế                        | Cái | 1 | 25 độ C, 60%Rh                                    |
| 30 | Nhiệt kế đầu dò                    | Cái | 1 | hiệu chuẩn 2 điểm nhiệt theo yêu cầu khoa sử dụng |
| 31 | Nhiệt kế đầu dò                    | Cái | 1 | hiệu chuẩn 2 điểm nhiệt theo yêu cầu khoa sử dụng |
| 32 | Nhiệt kế đầu dò                    | Cái | 1 | hiệu chuẩn 2 điểm nhiệt theo yêu cầu khoa sử dụng |
| 33 | Nhiệt kế đầu dò                    | Cái | 1 | hiệu chuẩn 2 điểm nhiệt theo yêu cầu khoa sử dụng |
| 34 | Nhiệt kế đầu dò                    | Cái | 1 | hiệu chuẩn 2 điểm nhiệt theo yêu cầu khoa sử dụng |
| 35 | Nhiệt kế đầu dò                    | Cái | 1 | hiệu chuẩn 2 điểm nhiệt theo yêu cầu khoa sử dụng |
| 36 | Nhiệt kế đầu dò                    | Cái | 1 | hiệu chuẩn 2 điểm nhiệt theo yêu cầu khoa sử dụng |
| 37 | Pipet bầu 1 mL                     | Cái | 2 | 1 mL  |
| 38 | Pipet bầu 2 mL                     | Cái | 2 | 2mL   |
| 39 | Pipet bầu 3 mL                     | Cái | 2 | 3 mL  |
| 40 | Pipet bầu 4 mL                     | Cái | 2 | 4 mL  |
| 41 | Pipet bầu 5 mL                     | Cái | 2 | 5 mL  |
| 42 | Pipet bầu 10 mL                    | Cái | 2 | 10 mL   |
| 43 | Bình định mức 50 mL                | Cái | 2 | 50 mL   |
| 44 | Bình định mức 100 mL               | Cái | 2 | 100 mL  |
| 45 | Bình định mức 1000 mL              | Cái | 2 | 1000 mL   |
| 46 | Buret nâu 25mL                     | Cái | 2 | 25 mL   |
| 47 | Buret trắng 25 mL                  | Cái | 2 | 25 mL   |
| 48 | Buret trắng 10 mL                  | Cái | 1 | 10 mL   |
| 49 | Buret nâu 10 mL                    | Cái | 1 | 10 mL   |
| 50 | Pipet 1mL                          | Cái | 2 | 1mL   |
| 51 | Piepet 10mL                        | Cái | 2 | 10mL  |
| 52 | Ống đong 50mL                      | Cái | 1 | 50mL  |
| 53 | Ống đong 100mL                     | Cái | 1 | 100mL   |
| 54 | Ống đong 250mL                     | Cái | 1 | 250mL   |
| 55 | Bộ quả cân chuẩn                   | Cái | 2 | hiệu chuẩn theo yêu cầu khoa sử dụng              |
| 56 | Máy đo độ đục                      | Cái | 3 | Hiệu chuẩn tại 4 điểm: 800-100-20-0,2 NTU         |
| 57 | Bút đo pH                          | Cái | 6 | Hiệu chuẩn tại chuẩn 3 điểm pH 4-7-10             |
| 58 | Máy đo thân nhiệt từ xa hồng ngoại | Cái | 1 | do PTN chọn                                       |
| 59 | Máy đo clo dư điện tử              | Cái | 4 | do PTN chọn                                       |
| 60 | Nồi hấp ALP                        | Cái | 1 | 121 độ C, 1 atm                                   |
| 61 | Nồi hấp Sanyo                      | Cái | 1 | 121 độ C, 1 atm                                   |
| 62 | Tủ an toàn sinh học Sanyo          | Cái | 1 | Kiểm tra vận tốc gió, ánh sáng, uv, hạt bụi       |
| 63 | Tủ an toàn sinh học Jouan          | Cái | 1 | Kiểm tra vận tốc gió, ánh sáng, uv, hạt bụi       |

|    |                                |            |    |   |
|----|--------------------------------|------------|----|---|
| 64 | Tủ an toàn sinh học Esco       | Cái        | 1  | Kiểm tra vận tốc gió, ánh sáng, uv, hạt bụi   |
| 65 | Tủ âm Memmert 4                | Cái        | 1  | Theo mức nhiệt độ cài đặt   |
| 66 | Tủ an toàn sinh học BIO - II A | Cái        | 1  | Kiểm tra vận tốc gió, ánh sáng, uv, hạt bụi   |
| 67 | Máy đọc Elisa BioTek           | Cái        | 1  | Đo độ quang theo độ Plate chuẩn   |
| 68 | Tủ âm Liebherr LGPv6527        | Cái        | 1  | Theo mức nhiệt độ cài đặt   |
| 69 | Tủ an toàn sinh học AlabTech 1 | Cái        | 1  | Kiểm tra vận tốc gió, ánh sáng, uv, hạt bụi   |
| 70 | Tủ an toàn sinh học AlabTech 2 | Cái        | 1  | Kiểm tra vận tốc gió, ánh sáng, uv, hạt bụi   |
| 71 | Tủ an toàn sinh học AlabTech 3 | Cái        | 1  | Kiểm tra vận tốc gió, ánh sáng, uv, hạt bụi   |
| 72 | Tủ an toàn sinh học AlabTech 4 | Cái        | 1  | Kiểm tra vận tốc gió, ánh sáng, uv, hạt bụi   |
| 73 | Tủ An Toàn Sinh Học Kewnanee 1 | Cái        | 1  | Kiểm tra vận tốc gió, ánh sáng, uv, hạt bụi   |
| 74 | Tủ âm Hairer DW-40L380         | Cái        | 1  | Theo mức nhiệt độ cài đặt   |
| 75 | Tủ âm sâu PHC                  | Cái        | 1  | Theo mức nhiệt độ cài đặt   |
| 76 | Tủ âm sâu AZBIL TELSTAR        | Cái        | 1  | Theo mức nhiệt độ cài đặt   |
| 77 | Tủ âm sâu AZBIL TELSTAR        | Cái        | 1  | Theo mức nhiệt độ cài đặt   |
| 78 | Micropipette                   | Cái        | 8  | Đo độ 1 điểm  |
| 79 | Tủ mát Thermo TSX2305GV        | Cái        | 1  | Theo mức nhiệt độ cài đặt   |
| 80 | Tủ âm sâu Thermo TSX70086V     | Cái        | 1  | Theo mức nhiệt độ cài đặt   |
| 81 | Tủ âm Thermo TSX2330FV         | Cái        | 1  | Theo mức nhiệt độ cài đặt   |
| 82 | Tủ âm Thermo FDE40040FV        | Cái        | 1  | Theo mức nhiệt độ cài đặt   |
| 83 | Máy ly tâm Hettich Eba         | Cái        | 1  | hiệu chuẩn theo yêu cầu khoa sử dụng  |
| 84 | Nhiệt Kế Thủy Tinh             | Cái        | 6  | 5 độ C  |
| 85 | Nhiệt Âm kế                    | Cái        | 2  | hiệu chuẩn 3 điểm nhiệt theo yêu cầu khoa sử dụng   |
| 86 | Nhiệt kế rượu - 30/+50oC       | Cái        | 10 | Độ chính xác ± 1 độ C   |
| 87 | Thiết bị cảnh báo nhiệt độ     | Thiết bị   | 2  | Độ chính xác ± 0,1 độ C   |
| 88 | Buồng lạnh Technoblok          | Buồng lạnh | 1  | Nhiệt độ hiệu chuẩn: (2 - 8)°C; Độ đồng đều/ ổn định nhiệt độ; Hiệu chỉnh và hiệu chuẩn lại khi nhiệt độ trong tủ sai lệch nhiều/ không đồng đều. |
| 89 | Tủ lạnh Dometic TCW 1150       | Tủ         | 1  | Nhiệt độ hiệu chuẩn: (2 - 8)°C; Độ đồng đều/ ổn định nhiệt độ; Hiệu chỉnh và hiệu chuẩn lại khi nhiệt độ trong tủ sai lệch nhiều/ không đồng đều. |

|    |                          |    |   |   |
|----|--------------------------|----|---|---|
| 90 | Tủ lạnh Dometic TCW 3000 | Tủ | 1 | Nhiệt độ hiệu chuẩn: (2 - 8)°C; Độ đồng đều/ ổn định nhiệt độ; Hiệu chỉnh và hiệu chuẩn lại khi nhiệt độ trong tủ sai lệch nhiều/ không đồng đều.   |
| 91 | Tủ lạnh Dometic TCW 800  | Tủ | 1 | Nhiệt độ hiệu chuẩn: (2 - 8)°C; Độ đồng đều/ ổn định nhiệt độ; Hiệu chỉnh và hiệu chuẩn lại khi nhiệt độ trong tủ sai lệch nhiều/ không đồng đều.   |
| 92 | Tủ lạnh TCW 4000AC       | Tủ | 3 | Nhiệt độ hiệu chuẩn: (2 - 8)°C; Độ đồng đều/ ổn định nhiệt độ; Hiệu chỉnh và hiệu chuẩn lại khi nhiệt độ trong tủ sai lệch nhiều/ không đồng đều.   |
| 93 | Tủ lạnh TCW 3000AC       | Tủ | 1 | Nhiệt độ hiệu chuẩn: (2 - 8)°C; Độ đồng đều/ ổn định nhiệt độ; Hiệu chỉnh và hiệu chuẩn lại khi nhiệt độ trong tủ sai lệch nhiều/ không đồng đều.   |
| 94 | Tủ lạnh MF 314           | Tủ | 1 | Nhiệt độ hiệu chuẩn: (-20 ± 1)°C; Độ đồng đều/ ổn định nhiệt độ; Hiệu chỉnh và hiệu chuẩn lại khi nhiệt độ trong tủ sai lệch nhiều/ không đồng đều. |

HỒ  
TÂM  
CÁT  
TÁT  
PHỒ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢN CAM KẾT VỀ TƯ CÁCH HỢP LỆ CỦA NHÀ THẦU**

Căn cứ quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và i, khoản 1, Điều 5 Luật đấu thầu, ....(tên đơn vị báo giá)..... cam kết:

1. Hạch toán tài chính độc lập;
2. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;
3. Có tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước khi phê duyệt kết quả;
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;
5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
6. Cam kết các nội dung cung cấp trong Hồ sơ chào giá là trung thực. Công ty sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác của các loại giấy tờ ngày.
7. Cam kết thời gian giao hàng theo yêu cầu của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố (tại địa chỉ: .....)

....., ngày            tháng            năm

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY**  
(Ký và ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢN CAM KẾT VỀ TƯ CÁCH HỢP LỆ CỦA NHÀ THẦU**

Căn cứ quy định tại các điểm d, e khoản 1 và các điểm a, b khoản 2, Điều 5 Luật đấu thầu, ....(tên đơn vị báo giá)..... cam kết:

1. Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
2. Có tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước khi phê duyệt kết quả;
3. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;
4. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
5. Cam kết các nội dung cung cấp trong Hồ sơ chào giá là trung thực. Hộ kinh doanh sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác của các loại giấy tờ ngày.
6. Cam kết thời gian giao hàng theo yêu cầu của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố (tại địa chỉ: .....)

....., ngày tháng năm

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA HỘ KINH DOANH**  
(Ký và ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

